TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 567/2024/HNGĐ - ST.
Ngày: 03/7/2024.
V/v: Tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Dương Thị Bạch Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phan Anh, bà Dương Tú Anh.

- Thư ký phiên toà: Bà Hồ Thanh Huyền - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đống Đa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 294/2024/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024, về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Trịnh Thị Diễm M**, sinh năm: 1991; Nơi ĐKHKTT: Số x ngõ y, phường T, quận Đ, thành phố H; Nơi cư trú: Số z T, phường M, quận N, thành phố H.

- Bị đơn: **Anh Khương Minh V,** sinh năm: 1985; Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: Số x ngõ y, phường T, quận Đ, thành phố H.

(Chị M có mặt, anh V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 02/4/2024; Bản tự khai và các văn bản tố tụng khác có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Trịnh Thị Diễm M trình bày:*

Về tình cảm: Chị và anh Khương Minh V đăng ký kết hôn ngày 21/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh V, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại địa chỉ: Số x, ngõ y T, phường T, quận Đ, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính cách, bất đồng quan điểm, chồng bỏ bê không chăm lo cho vợ con, không đưa chi phí sinh hoạt, không đóng góp gì cho cuộc sống chung vợ chồng. Đỉnh điểm mâu thuẫn vợ chồng vào tháng 12/2016, chị M cùng con trai đã phải ra ngoài thuê nhà ở và sống ly thân nhau từ thời điểm đó tới nay. Trong suốt thời gian ly thân, một mình chị M phải nuôi con, anh V không thăm nom, hỏi han đến con. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ

và cần phải giải thoát nên chị M làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Khương Minh V.

Về con chung: Chị và anh V có 01 con chung, là: Khương Khải N, sinh ngày 05/4/2015. Khi ly hôn, chị M có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

Về điều kiện tài chính và chỗ ở: Hiện tại chị đang công tác tại Công ty F, thu nhập ổn định hàng tháng là 10.000.000 đồng; Về chỗ ở: Con chung Khương Khải N đang ở cùng ông bà ngoại (bố mẹ đẻ chị M) tại V, huyện V, tỉnh V; Còn chị đang ở cùng chị gái tại địa chỉ: Số z T, phường M, quận N, thành phố H.

Về tài sản (động sản, bất động sản) chung: Chị và anh V không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị và anh V không có khoản vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú đối với bị đơn anh Khương Minh V để anh V thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự nhưng anh V đều vắng mặt. Anh V không có quan điểm tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, không có mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị M vẫn giữ nguyên các yêu cầu nêu trên, cụ thể: Chị M đề nghị Tòa cho chị được ly hôn với anh Khương Minh V; Chị M xin được nuôi dưỡng con chung cháu Khương Khải N và không yêu cầu anh V phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, công nợ chung không có nên chị đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng đối với bị đơn anh Khương Minh V. Nguyên đơn chị M đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung vụ án:

Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M; Cho chị M được ly hôn với anh Khương Minh V.

Về con chung: Chị M, anh V có 01 con chung là cháu Khương Khải N, sinh ngày 05/4/2015. Xem xét điều kiện nuôi con, nguyện vọng của chị M và ý kiến của con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị M nuôi dưỡng. Về phần cấp dưỡng, chị M không yêu cầu anh V cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị M trình bày, giữa chị và anh V không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không xem xét, giải quyết. Bị đơn anh V không có văn bản ý kiến, không có mặt tại phiên tòa nên giành quyền khởi kiện cho anh V về phần tài sản chung, công nợ chung khi anh V có yêu cầu và có căn cứ chứng minh vợ chồng có tài sản chung, có khoản vay nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về án phí: Nguyên đơn chị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Vụ án Hôn nhân và gia đình, về việc "*Tranh chấp ly hôn*", bị đơn là anh Khương Minh V có nơi ĐKHKTT và cư trú: Số x ngõ y, phường T, quận Đ, thành phố H nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn anh Khương Minh V để anh V thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự tại Tòa nhưng anh V đều vắng mặt. Tại phiên tòa, anh V vắng mặt lần thứ 2, không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

- *Quan hệ hôn nhân*: Chị Trịnh Thị Diễm M và anh Khương Minh V đăng ký kết hôn ngày 31/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh V, xác nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Khương Minh V (vắng mặt không lý do) nên anh V không có quan điểm tự khai là tự từ bỏ quyền lợi của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập được xác định: Giữa chị M và anh V có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống bất đồng, mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng không thể khắc phục được, vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 12/2017 cho đến nay. Như vậy thấy, hôn nhân giữa chị M và anh V không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng hàn gắn đoàn tụ là khó nên việc chị M xin ly hôn anh V là có căn cứ và được chấp nhận.

- *Về con chung*: Chị M, anh V có 01 con chung, là cháu Khương Khải N, sinh ngày 05/4/2015, hiện đang ở cùng chị M. Ly hôn, chị M có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh V đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Xét, từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu N ở với chị M và việc chăm sóc cháu Nam đều do chị M trực tiếp đảm nhiệm. Hiện sức khỏe, học tập, sinh hoạt của cháu được đảm bảo ổn định. Hơn nữa, cháu N cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Như vậy, cần giao cháu Khương Khải N cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Về phần cấp dưỡng chị M không yêu cầu anh V đóng góp tiền cấp dưỡng nên không xem xét.

- *Tài sản chung, công nợ chung*: Nguyên đơn chị Trịnh Thị Diễm M xác định giữa chị và anh V không có tài sản chung, không có công nợ chung, yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Bị đơn anh V không có quan điểm tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và không có mặt tại phiên tòa nên giành quyền khởi kiện cho anh V về phần tài sản

chung, công nợ chung khi anh V có yêu cầu và có căn cứ chứng minh vợ chồng có tài sản chung, có công nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

- ***Về án phí***: Nguyên đơn chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 207; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Diễm M.

Cho chị Trịnh Thị Diễm M được ly hôn với anh Khương Minh V.

2. *Về con chung:* Xác nhận chị Trịnh Thị Diễm M và anh Khương Minh V có 01 con chung, là: Khương Khải N, sinh ngày 05/4/2015. Ly hôn, giao cháu Khải N cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu cấp dưỡng không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Anh Khương Minh V có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. *Về tài sản chung, công nợ chung:* Chị M cho rằng giữa chị và anh V không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Giành quyền khởi kiện cho anh Khương Minh V về phần tài sản chung, công nợ chung khi anh V có yêu cầu và có căn cứ chứng minh vợ chồng có tài sản chung, công nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. *Về án phí:* Chị Trịnh Thị Diễm M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị M đã nộp theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001131266 ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đ.

Án xử công khai sơ thẩm, chị M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; Anh V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố H;
- VKSND quận Đ;
- THA quận Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện V, tỉnh V;
- Lưu HS vụ án.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

DƯƠNG THỊ BẠCH PHƯỢNG